

# VÀI NÉT VỀ TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH NÔNG THÔN TRUNG QUỐC TỪ CẢI CÁCH MỞ CỬA ĐẾN NAY

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG\*

**T**ừ năm 1978, Trung Quốc bắt đầu thực hiện chính sách cải cách mở cửa, trải qua hơn 20 năm nỗ lực, Trung Quốc đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Bộ mặt nông thôn Trung Quốc diễn ra những thay đổi sâu sắc, cơ cấu kinh tế xã hội đã dịch chuyển dần theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá. Tiến trình cải cách nông thôn Trung Quốc là những kinh nghiệm quý, gợi mở nhiều điều khi chúng ta đang đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

## I. CÁC GIAI ĐOẠN CẢI CÁCH NÔNG THÔN TRUNG QUỐC

### 1. Giai đoạn 1978-1984

Sau những năm khốc liệt của “Đại cách mạng văn hoá”, nền kinh tế Trung Quốc đứng bên bờ vực thẳm, sản xuất đình trệ, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, đòi hỏi Trung Quốc phải tiến hành cải cách kinh tế, phát triển xã hội. Cải cách kinh tế Trung Quốc bắt đầu từ nông thôn và giai đoạn năm 1978-1984 được coi là giai đoạn mở đầu.

Tháng 12 năm 1978, Hội nghị TW 3 khoá XI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã

đưa ra quyết sách cải cách mở cửa, lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm. Hội nghị đã thảo luận “Quyết định của Trung ương ĐCS Trung Quốc về một số vấn đề đẩy nhanh phát triển nông nghiệp” (dự thảo). Tháng 9 năm 1979 bản dự thảo trên được thông qua, trong đó có các nội dung quan trọng như: khôi phục và mở rộng quyền tự chủ của các đội sản xuất; khôi phục đất phân trăm để lại cho xã viên; khôi phục nghề phụ gia đình; khôi phục chợ nông thôn; xây dựng và kiện toàn chế độ trách nhiệm sản xuất; nâng giá thu mua lương thực... Trong các biện pháp trên, xây dựng và kiện toàn chế độ khoán sản có ý nghĩa rất lớn, dù trong thời kỳ này vẫn còn nhiều tranh luận và chưa được kết luận rõ ràng. Văn kiện số 1 năm 1982 đã khẳng định hình thức khoán sản phẩm đến hộ gia đình. Chỉ thị này cho phép có thể khoán công việc, khoán sản lượng đến hộ, khoán từng khâu hay khoán toàn bộ tùy tình hình cụ thể của các địa phương. Như vậy, từ năm 1978, Trung Quốc đã tiến hành cải cách thể chế kinh tế nông thôn, thực hiện hình thức khoán đến hộ gia đình. Đến

Thạc sĩ. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

cuối năm 1984, cả nước có 5,69 triệu đội sản xuất, trong đó 99,96% số đội đã thực hiện khoán từng khâu hay khoán toàn bộ đến hộ, chiếm 98,2% số thôn, 96,3% số hộ, và 98,6% đất canh tác<sup>(1)</sup>. Hình thức kinh doanh này phù hợp với trình độ sản xuất trong nông nghiệp, giải phóng được sức sản xuất ở nông thôn Trung Quốc. Cùng với chính sách khoán đến hộ, Trung Quốc còn thực hiện chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế, giải phóng và phát triển hơn nữa sức sản xuất ở nông thôn. Cải cách giá cả lương thực và thực phẩm là biện pháp quan trọng nữa trong cải cách thể chế kinh tế nông thôn Trung Quốc. Tiếp đến, Trung Quốc thực hiện cải tiến chế độ thu mua và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Một thời gian dài Trung Quốc đã thực hiện thống nhất thu mua và bán các sản phẩm nông nghiệp, kết quả là cắt đứt mối quan hệ của nông dân với thị trường, gây trở ngại cho lưu thông các sản phẩm nông nghiệp, gia tăng tình trạng bao cấp nặng nề.

Chế độ khoán sản đã kích thích được tính tích cực của nông dân, sản xuất nông nghiệp tăng trưởng nhanh, cộng với chính sách nâng giá thu mua lương thực, thực phẩm và cải tiến cách thu mua làm cho thu nhập của nông dân tăng nhanh. Thu nhập bình quân cư dân nông thôn năm 1978 khoảng 133 NDT, năm 1984 tăng lên 355 NDT. Tổng sản lượng lương thực năm 1984 đạt khoảng 407 triệu tấn, mức lương thực bình quân đầu người đạt gần 400 kg. Theo tiêu chuẩn của Trung Quốc, năm 1978 Trung Quốc có 250 triệu người thuộc diện đói nghèo. Trong giai

đoạn từ 1978-1984, qua thực hiện chế độ khoán, thả nổi dần giá nông sản... bình quân lương thực đầu người ở nông thôn tăng 14%, bông tăng 73,9%, dầu thực vật tăng 176,4%, thịt tăng 87,8%. Số nhân khẩu thuộc diện đói nghèo đã giảm xuống còn 125 triệu, bình quân mỗi năm có 17-18 triệu người thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Năm 1979, Quốc vụ viện Trung Quốc đã ra "Quy định về một số vấn đề phát triển xí nghiệp xã đội", đây là văn bản pháp quy đầu tiên chỉ đạo phát triển xí nghiệp xã đội. Tiếp theo đó Trung Quốc đã ban hành nhiều quy định thúc đẩy xí nghiệp xã đội phát triển. Đến năm 1983 tổng giá trị công nghiệp của các xí nghiệp xã đội là 75,71 tỷ NDT, tăng 96,5% so với năm 1978.

Năm 1978, nông nghiệp Trung Quốc chiếm 28,1%, công nghiệp chiếm 48,2%, dịch vụ chiếm 21,4% trong GDP. Trong đó nông nghiệp chiếm gần 70%, công nghiệp chiếm khoảng 26 %, dịch vụ chiếm khoảng 5% tổng GDP của nông thôn. Tới năm 1983, tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP giảm xuống còn 27%. Có thể thấy cải cách nông thôn Trung Quốc thời kỳ này đã giành được thành tựu khả quan, tạo cơ sở cho bước phát triển tiếp theo. Từ năm 1985, trọng tâm của cải cách chuyển dịch sang thành thị, nông nghiệp nông thôn tiếp tục đi sâu vào cải cách, công xã nhân dân bị giải thể, xí nghiệp hương trấn bùng phát.

## 2. Giai đoạn năm 1985-1991

Từ năm 1958, Trung Quốc thực hiện thể chế quản lý "chính xã hợp nhất", nghĩa là hợp nhất giữa chính quyền,

Công xã nhân dân, và “ba cấp sở hữu, lấy đội sản xuất làm cơ sở”. Việc mở rộng thực hiện chế độ khoán đã làm cho thể chế Công xã nhân dân không còn thích ứng với phát triển kinh tế nông thôn. Tháng 10-1983, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện đã ra “Thông tri về tách chính quyền với xã đội, xây dựng chính quyền xã” và đầu năm 1985 về cơ bản đã thực hiện phân tách xong, thành lập 91138 chính quyền nhân dân cấp xã (trấn) với hơn 940 nghìn Ủy ban thôn dân<sup>(2)</sup>; các đại đội sản xuất được đổi thành thôn, thành lập chính quyền thôn, các đội sản xuất đổi thành hợp tác xã. Đặc biệt hơn là sự bùng phát của các xí nghiệp hương trấn. Xí nghiệp hương trấn là các xí nghiệp do nông dân lập ra, bao gồm nhiều thành phần kinh tế. Cuộc cải cách kinh tế nông thôn đã làm các xí nghiệp xã đội chuyển hướng kinh doanh, và được đổi thành xí nghiệp hương trấn. Năm 1978 có khoảng 1,5 triệu xí nghiệp hương trấn, năm 1984 tăng lên khoảng 12,25 triệu, năm 1994 có 24,95 triệu xí nghiệp hương trấn. Số công nhân làm việc trong xí nghiệp hương trấn năm 1978 khoảng 28,2 triệu người, năm 1991 lên tới khoảng 96 triệu người. Sự phát triển của xí nghiệp hương trấn đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu việc làm ở nông thôn Trung Quốc. Năm 1978, giá trị sản lượng xí nghiệp hương trấn đạt 49,3 tỷ NDT, năm 1985 lên 272,8 tỷ NDT, tới năm 1987 giá trị sản lượng của các xí nghiệp hương trấn vượt qua giá trị sản lượng nông nghiệp<sup>(3)</sup>. Đến năm 1988, giá trị sản lượng của các xí

niệp hương trấn đạt 499,29 tỷ NDT, chiếm 27,4% tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn quốc, số công nhân lên tới 57 triệu người. Mức tăng trưởng bình quân giá trị sản lượng của các xí nghiệp hương trấn trong giai đoạn 1984-1988 đạt 38,1%<sup>(4)</sup>. Xí nghiệp hương trấn không chỉ tăng nhanh về số lượng, đa dạng hoá loại hình sở hữu, mà còn mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh với nhiều ngành nghề công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ... Xí nghiệp hương trấn về thực chất là công nghiệp hoá nông thôn đặc sắc Trung Quốc. Chính vì vậy, hội nghị TW 8 khoá XIII năm 1991 đã khẳng định: “Phát triển xí nghiệp hương trấn là con đường tất yếu làm phồn vinh kinh tế nông thôn, tăng thu nhập cho nông dân và thúc đẩy hiện đại hoá nông nghiệp”. Do điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội từng vùng khác nhau mà Trung Quốc có nhiều mô hình xí nghiệp hương trấn. Những mô hình điển hình như mô hình Tô Nam, Ôn Châu, Chu Giang... Các xí nghiệp hương trấn Tô Nam có sở hữu tập thể xã thôn chiếm trên 90%, các xí nghiệp này chủ yếu hoạt động công nghiệp. Mô hình Ôn Châu là mô hình xí nghiệp hương trấn gia đình và cá thể, khác với mô hình Tô Nam có sơ sở là các xí nghiệp tập thể. Mô hình Chu Giang (Quảng Đông) là mô hình xí nghiệp hương trấn hướng về xuất khẩu nhờ lợi thế gần Hồng Công, Ma Cao, đặc khu kinh tế và các cảng ven biển. Ngoài ra còn có một số mô hình khác như Tấn Giang (Phúc Kiến), Bình Định (Sơn Tây)... Giá trị sản lượng của các xí

nghiệp hương trấn tăng 9,1% năm 1980 lên 30,8% năm 1991 trong tổng sản lượng công nghiệp toàn quốc.

Văn kiện số 1 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 1-1986, đã đưa ra kế hoạch "Đốt lửa", dùng khoa học kỹ thuật chấn hưng nông thôn, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, dùng đốt lửa khoa học đốt sáng, dẫn đường cho nông nghiệp nông thôn tiến lên. Theo số liệu thống kê, từ năm 1985-1990 có 14633 dự án đã được hoàn thành, chiếm 52,4% tổng số dự án, làm tăng tổng giá trị sản lượng kinh tế nông thôn là 33,124 tỷ NDT. Số dự án đạt chất lượng tốt là hơn 90%, đã tạo ra hơn 300 dây chuyền thiết bị toàn bộ cho xí nghiệp hương trấn, đào tạo được 8.9 triệu cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cho nông thôn. Trước năm 1978, nhân tố khoa học kỹ thuật trong tăng trưởng kinh tế nông thôn chỉ khoảng 20%, qua thực hiện kế hoạch "Đốt lửa" đã nâng lên 35-40%. Nhiều kỹ thuật nuôi trồng, cải tạo... được ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp.

Đến năm 1990, cơ cấu GDP theo ngành ở Trung Quốc lần lượt là nông nghiệp 27,1%, công nghiệp 41,6%, dịch vụ 31,3%. Cơ cấu ba ngành trên trong GDP ở nông thôn lần lượt là 46,1%: 46,3%: 7,6%. Thu nhập bình quân của cư dân nông thôn năm 1991 là 708 NDT. Chỉ số Engel của cư dân nông thôn năm 1991 là 57,6%, tiền gửi ngân hàng bình quân 2319 NDT. Số người nghèo đói trong giai đoạn này đã giảm xuống còn khoảng 80 triệu người. Năm 1978 mức độ

đô thị hoá là 17,92%, năm 1983 là 23,01%. Từ năm 1984-1992, mức độ đô thị hoá từ 23,01% tăng lên 37,66%. Đến năm 1992, Trung Quốc đã có 517 thành phố.

Cùng với quá trình cải cách thể chế kinh tế nông thôn, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, các giai tầng xã hội ở nông thôn Trung Quốc cũng diễn ra những phân hoá sâu sắc. Theo Giáo sư Lục Học Nghệ - Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, sau hơn 10 năm cải cách mở cửa nông thôn Trung Quốc có 8 tầng lớp như sau: (1) Tầng lớp người lao động nông nghiệp. Họ chủ yếu là những người nhận ruộng khoán, trồng trọt hoặc chăn nuôi, thu nhập chính của họ là từ nông nghiệp. Tầng lớp này chiếm số đông ở nông thôn, vào khoảng 55-57% tổng số dân nông thôn. (2) Tầng lớp dân công, tức những người nông dân di nơi khác làm thuê, hộ khẩu vẫn ở nông thôn nhưng đi làm thuê làm mướn theo thời vụ. Tầng lớp này ước tính khoảng 24% số dân nông thôn. (3) Tầng lớp công nhân nông thôn, họ đi làm thuê cho các xí nghiệp tư doanh hoặc các hộ công thương cá thể. Số công nhân nông thôn này năm 1987 vào khoảng 7-8 triệu người, chiếm chừng 4% số dân nông thôn. (4) Tầng lớp trí thức nông thôn, họ là những phân tử trí thức làm trong các ngành giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hoá... ở nông thôn, họ chiếm khoảng 1,5-2% dân số nông thôn. (5) Tầng lớp lao động, công thương cá thể khoảng 5%. (6) Tầng lớp chủ doanh nghiệp tư doanh khoảng 0,1-0,2%. (7)

Những người quản lý xí nghiệp hương trấn khoảng 3%. (8) Những người quản lý nông thôn khoảng 6%<sup>(5)</sup>.

Như vậy, xí nghiệp hương trấn đã đóng góp rất lớn, tạo của cải vật chất cho nông thôn, mang lại nguồn thu nhập cho nông dân, thu hút lao động dư thừa và là động lực chính trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội ở nông thôn Trung Quốc. Đời sống của cư dân nông thôn được cải thiện và nâng cao rất nhiều. Sự phân công lao động cũng không ngừng thay đổi, một bộ phận đông đảo nông dân đã chuyển sang làm việc trong các ngành nghề công nghiệp và dịch vụ. Cục diện nông thôn thuần nông đã thay đổi, số nông dân đông với màu áo truyền thống nay đã xuất hiện nhiều giai tầng mới với trang phục có kiểu dáng và màu sắc đa dạng.

### 3. Giai đoạn 1992 đến nay

Đại hội XIV của ĐCS Trung Quốc nêu ra mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, tiếp tục đi sâu cải cách, tăng cường mở cửa. Cải cách nông nghiệp nông thôn tiếp tục đi sâu với việc ổn định và hoàn thiện chế độ khoán; xây dựng hệ thống thị trường nông thôn; phát triển ngành nghề hoá nông nghiệp; chuyển biến chức năng của chính quyền; đẩy nhanh đô thị hoá và hội nhập quốc tế nông nghiệp.

Đến năm 1993, Trung Quốc đã ra quyết định kéo dài thời gian khoán ruộng đất từ 15 năm trước đây lên 30 năm, kinh tế tập thể ở nông thôn phát triển mạnh. Chế độ lưu thông và thu mua lương thực tiếp tục được cải cách. Hệ

thống thị trường nông thôn được xây dựng và phát triển. Nông nghiệp và nông thôn đã thực hiện được những đột phá như cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng đa dạng, tỷ trọng ngành trồng trọt đã giảm xuống, tỷ trọng các ngành lâm, ngư nghiệp và chăn nuôi đã tăng lên. Cục diện nông thôn thuần nông đã bị thay thế bởi nhiều ngành nghề phi nông nghiệp, trong đó hạt nhân là các xí nghiệp hương trấn. Tốc độ phát triển của các ngành phi nông nghiệp ở nông thôn không những vượt qua nông nghiệp mà còn vượt cả công nghiệp ở thành thị. Nông nghiệp không còn khép kín mà đã dần chuyển sang ngành kinh tế mở, ví như năm 1995 tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông sản và gia công vượt 50 tỷ USD, tương đương 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc<sup>(6)</sup>.

Cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, ở nông thôn Trung Quốc xuất hiện các tổ chức kết hợp giữa nông hộ với công ty, hoặc nông hộ với tập thể, nông hộ cùng với các tổ chức kinh tế v.v... tiến hành liên kết sản xuất, tiêu thụ, kết hợp giữa nông nghiệp-công nghiệp và thương nghiệp, kết nối các khâu thành một dây chuyền. Nhiều học giả gọi đây là sản nghiệp hoá nông nghiệp, hay kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp. Năm 1997 Trung Quốc có 11834 tổ chức kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp. Sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp đã góp phần quan trọng, tạo động lực đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn. Năm 1994, số thành phố có trên 500 nghìn dân ở Trung Quốc đã lên tới 74, thành phố cỡ vừa có 173, số thị trấn, thị

xã lên tới 55000. Năm 2000, mức độ đô thị hoá là 36,08%, số thành phố lên tới 643: trong đó có 4 thành phố trực thuộc trung ương, 15 thành phố cấp tỉnh, 222 thành phố địa phương, 400 thành phố cấp huyện; có 13 thành phố có số dân trên 2 triệu người, 27 thành phố có số dân từ 1-2 triệu, 53 thành phố có số dân từ 500 nghìn đến một triệu người, 218 thành phố có số dân từ 200-500 nghìn người<sup>(7)</sup>. Như vậy, tiến trình đô thị hoá nông thôn đã tạo tiền đề tốt để thực hiện nhất thể hoá thành thị nông thôn, đẩy nhanh quá trình chuyển biến từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, làm cho nông thôn mở cửa hơn.

Có thể thấy, bộ mặt nông nghiệp nông thôn Trung Quốc đã có những thay đổi to lớn từ khi cải cách mở cửa, từ sản xuất lương thực đơn thuần trước đây đã chuyển sang sản xuất nhiều chủng loại lương thực, thực phẩm; ngành nghề kinh doanh đa dạng, nhiều thành phần, chế độ thu mua lương thực và lưu thông hàng hoá ở nông thôn được cải cách, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ nét, mức độ thị trường hoá của nông thôn mở rộng hơn. Các giai tầng ở nông thôn cũng diễn ra những phân hoá sâu sắc.

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ TRIỂN VỌNG

### 1. Những vấn đề tồn tại

*1.1. Cơ cấu kinh tế xã hội tách biệt thành thị nông thôn:* Bấy lâu nay thành thị và nông thôn Trung Quốc là hai khu vực độc lập, hai hệ thống xã hội khép kín, kinh tế độc lập, khác tính chất, hai tập đoàn lợi ích khác nhau. Thành thị và

nông thôn chênh lệch về nhiều mặt. Cơ cấu hai khu vực hay cơ cấu xã hội phân cách (các học giả Trung Quốc thường gọi là cơ cấu nhị nguyên) thành thị nông thôn ở Trung Quốc hình thành có nguyên nhân lịch sử trong quá trình tư bản hoá của các nước tư bản phương Tây. Sau khi nước Trung Hoa mới ra đời (1949), Trung Quốc thực hiện chính sách phát triển coi trọng công nghiệp và thành thị, dồn hết nguồn lực cho công nghiệp và thành thị. Đặc biệt là từ năm 1958 khi Trung Quốc thực hiện “Điều lệ đăng ký hộ khẩu nước CHND Trung Hoa”, cùng với hàng loạt các chính sách, chế độ như hộ khẩu, lương thực, nhà ở, phúc lợi... đã như những tấm chắn ngăn cản sự giao lưu giữa thành thị và nông thôn, đã dần tạo nên hai tập đoàn: dân nông nghiệp và dân phi nông nghiệp. Nông dân bị hạn chế nghiêm ngặt ra thành phố mưu sinh và buôn bán... Về kinh tế, nông thôn làm nông nghiệp, thành thị làm công nghiệp; về xã hội tạo phân biệt thị dân-nông dân, dân nông nghiệp-dân phi nông nghiệp, và theo đó là sự phân biệt về thân phận, lợi ích, quyền lợi: thành thị tốt đẹp, văn minh; nông thôn xấu xa, lạc hậu v.v.. Cơ cấu kinh tế xã hội phân cách ảnh hưởng lớn đến sự phát triển hài hoà kinh tế xã hội và tiến trình hiện đại hoá. Từ khi thực hiện cải cách mở cửa cơ cấu kinh tế xã hội tách biệt của Trung Quốc đã chuyển biến, nhưng vẫn là vấn đề lớn của nông thôn Trung Quốc hiện nay. Đây là một trong những trở ngại chính của tiến trình hiện đại hoá Trung Quốc.

Cư dân thành thị và nông dân chênh lệch về thu nhập, tiêu dùng, phúc lợi. Thành thị và nông thôn chênh lệch nhau

về kinh tế, văn hoá... Từ khi cải cách mở cửa, kinh tế nông thôn phát triển nhanh nhưng thành thị còn phát triển nhanh hơn nhiều, chênh lệch không những không giảm mà còn có xu hướng tăng nhanh. Năm 1978, thu nhập thuần bình quân hộ nông dân là 133 NDT, hộ cư dân thành thị là 343 NDT, chênh lệch theo tỷ lệ 1: 2,5; năm 1985, thu nhập bình quân của nông dân là 357 NDT, còn cư dân thành thị là 739 NDT, chênh lệch theo tỷ lệ 1:1,8. Đến năm 2002, thu nhập của nông dân là 2476 NDT, thu nhập cư dân thành thị là 7703 NDT, tỷ lệ chênh lệch lên tới 1: 3,1. Mức tiêu dùng của cư dân thành thị không ngừng nâng cao, chênh lệch chi tiêu thành thị và nông thôn không ngừng mở rộng, năm 2001 khoảng 3,6 lần. Chỉ số Engel năm 1978 của cư dân thành thị là 57,5 và cư dân nông thôn là 67,7. Đến năm 2002 chỉ số này là lần lượt là 37,7 và 46,2. Trong số 5962,18 tỷ NDT tiền gửi ngân hàng năm 1999, số tiền gửi của cư dân thành thị chiếm 81,2%, cư dân nông thôn chỉ chiếm 18,8%. Tới cuối năm 2003 số tiền gửi của cư dân thành thị và nông thôn lên tới 10361,8 tỷ NDT. Ngoài ra thành thị và nông thôn còn chênh lệch về các mặt văn hoá, giáo dục, y tế và các phúc lợi xã hội khác.

Từ năm 1992-2001, mức độ đô thị hoá từ 27,63% tăng lên 37,66%, năm 2002 là 39,09%. Tuy nhiên mức độ đô thị hoá còn chậm so với mức độ công nghiệp hoá, ví như mức độ công nghiệp hoá năm 2001 là 44,4% trong khi mức độ đô thị hoá chỉ 37,7%. Mặt khác, các đô thị chủ yếu tập trung ở duyên hải miền Đông, ven các sông lớn, và mức đô thị hoá đạt gần 40%, còn các vùng miền Tây mức độ đô thị hoá

thậm chí không vượt qua 30%. Mức độ đô thị hoá chậm so với mức độ công nghiệp hoá và không đồng đều giữa các vùng cũng là biểu hiện phản ánh kết cấu kinh tế xã hội phân cách và sự chênh lệch nông thôn và thành thị.

### *1.2. Đời sống kinh tế - xã hội nông thôn tồn tại nhiều vấn đề nổi cộm và bức xúc*

Năm 2000, Lý Xương Bình - một thực sỹ kinh tế đã từng sống và làm việc ở nông thôn 17 năm, Bí thư Đảng uỷ xã - đã gửi thư tới Thủ tướng bày tỏ những nỗi niềm của mình về nông thôn Trung Quốc. Lý Xương Bình viết: "hiện nay nông dân Trung Quốc thật khổ, nông thôn thật nghèo, nông nghiệp thật nguy hiểm"<sup>(8)</sup>. Bức thư của Lý Xương Bình đã gây xôn xao dư luận và vấn đề "tam nông" trở nên nóng bỏng.

Năm 2003, tổng giá trị gia tăng của nông nghiệp là 1724,7 tỷ NDT, chiếm 14,8% GDP. Thu nhập thuần của nông dân bình quân 2622 NDT. Từ năm 1999 đến nay, sản lượng lương thực của Trung Quốc không ngừng giảm. Năm 1999 tổng sản lượng lương thực đạt 508,38 triệu tấn, năm 2000 là 462,17 triệu tấn; năm 2003 là 430,65 triệu tấn. Xu hướng này tiếp diễn thì vấn đề an ninh lương thực Trung Quốc sẽ nổi lên trong mấy năm tới. Về thu nhập của nông dân, từ năm 1978 đến 1997 thu nhập của nông dân bình quân tăng trưởng 16% nhưng từ năm 1997 đến nay, thu nhập thuần tuy từ nông nghiệp của nông dân thấp, bình quân không vượt quá 5%. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn ngày càng doãng ra. Năm 1997, thu nhập bình quân của cư dân nông thôn là 2090 NDT,

thu nhập cư dân thành thị là 5160 NDT với tỷ lệ 1: 2,47. Năm 2003, con số này lần lượt là 2622 NDT và 8500 NDT, tỷ lệ 1:3,24. Nếu tính các yếu tố như phúc lợi, y tế, cơ sở hạ tầng, đời sống văn hoá tinh thần thì khoảng cách chênh lệch giữa cư dân thành thị và nông thôn là rất đáng kể và ngày càng mở rộng.

Năm 2002 dân số nông thôn là 782,41 triệu người, chiếm 60,91% tổng dân số Trung Quốc. Lực lượng lao động nông thôn Trung Quốc vào khoảng 490 triệu, số nông dân đi làm thuê khoảng 100 triệu người, số lao động dôi dư ở nông thôn khoảng 150 triệu người. Số người nghèo đói ở nông thôn khoảng 30 triệu người. Cũng năm 2002, tỷ lệ kết cấu việc làm theo ngành nghề lần lượt là nông nghiệp 50%, công nghiệp 21,4% và dịch vụ là 28,6%, trong khi tỷ lệ cơ cấu trong GDP theo ngành lần lượt là 14,5%: 51,8%: 33,7%<sup>(9)</sup>.

Chế độ khoán ruộng đất cho nông dân đã từng là yếu tố kích thích tích cực sản xuất nông nghiệp của nông dân. Song đến nay, do khoán mà đất đai bị xé lẻ, phân tán không có lợi cho cơ giới hoá nông nghiệp, sản xuất lớn. Hiện nay cũng có nhiều nơi nông dân không mặn mà với công việc trồng cấy bởi chi phí lớn, thu nhập thấp nên một số hộ cho thuê hoặc bán ruộng đất được khoán. Một vấn đề theo đó là thời hạn khoán đất không phải là vô hạn. Quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền kinh doanh đất đai vẫn chưa tìm được đáp án dài lâu. Những vấn đề nổi cộm ở nông thôn phần lớn liên quan đến đất đai. Hiện nay các khoản thuế phí ở nông thôn còn nhiều, theo Lý Xương Bình các loại thuế phí mà nông

dân phải đóng góp ngày càng tăng, bình quân 2500-3000 NDT/năm<sup>(10)</sup>. Quan hệ giữa bà con nông dân với cán bộ chính quyền cơ sở càng thẳng, mẫu thuẫn cọ sát không giảm, số cán bộ đông, số nợ tài chính của chính quyền ở nông thôn nhiều.

Như vậy, cơ cấu việc làm và cơ cấu kinh tế nông thôn mất cân đối, tỷ trọng người lao động nông nghiệp còn cao, số lao động dôi dư ở nông thôn còn nhiều, thu nhập của họ thấp và tăng chậm, chuyển dịch lao động dôi dư khó khăn. Vấn đề đất đai, thuế phí ngày một phức tạp. Mâu thuẫn trong xã hội nông thôn ngày càng khó điều hoà.

## 2. Triển vọng cải cách nông thôn

Năm 2002, khái niệm “cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn” được đưa vào Báo cáo Đại hội XVI của ĐCS Trung Quốc. Mục tiêu xã hội khá giả toàn diện do Đại hội XVI đưa ra, chỉ thực hiện được khi giải quyết tốt vấn đề “tam nông”. Tập thể lãnh đạo khoá mới cũng đã xác định tầm quan trọng hàng đầu của vấn đề “tam nông”. Tháng 3 năm 2003, kỳ họp Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Hội nghị chính trị hiệp thương toàn quốc đã coi công tác “tam nông” là trọng điểm của công tác kinh tế. Tháng 11-2003, ĐCS Trung Quốc đưa ra *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện kinh tế thị trường XHCN*, trong đó bao gồm một số nội dung quan trọng như: *Một là*, đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn: hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, kiện toàn dịch vụ xã hội hoá nông nghiệp, đi sâu cải cách



chế độ thuế phí ở nông thôn, cải thiện điều kiện chuyển dịch việc làm và lao động dôi dư ở nông thôn. *Hai là*, hoàn thiện hệ thống thị trường, quy phạm trật tự thị trường: tăng nhanh việc xây dựng thị trường thống nhất toàn quốc. *Ba là*, hoàn thiện thể chế tài chính, tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế phân phối, hoàn thiện hệ thống bảo đảm xã hội; nâng cao toàn diện trình độ mở cửa với bên ngoài v.v... Qua đó Trung Quốc đang nỗ lực xây dựng hệ thống thị trường hoàn thiện, thống nhất và toàn diện.

Việc thực hiện chính sách coi trọng công nghiệp và thành thị của Trung Quốc trong những thập niên qua đã tạo những hố ngăn cách lớn giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp. Phối hợp phát triển giữa thành thị và nông thôn, tương trợ giữa công nghiệp và nông nghiệp là điều hết sức cần thiết. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra 5 quy hoạch phối hợp phát triển thống nhất, trong đó một nội dung quan trọng là thực hiện quy hoạch thống nhất phát triển, phối hợp giữa thành thị và nông thôn. Đây là một chiến lược lớn, kéo nông thôn sát với thành thị hơn, xây dựng một thị trường thống nhất giữa thành thị và nông thôn, gắn kết công nghiệp với nông nghiệp, xoá đi những rào cản giữa thành thị và nông thôn. Đây nhanh quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn, và đặc biệt hơn là chuyển dịch nhanh số lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp.

Năm 2001, Trung Quốc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), đưa nền

kinh tế Trung Quốc đi vào quỹ đạo toàn cầu hoá kinh tế. Nông nghiệp đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Trung Quốc được tham gia sâu rộng vào thị trường nông sản thế giới, không gian phát triển của Trung Quốc sẽ rộng hơn, có lợi cho phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, tạo môi trường và điều kiện để đẩy nhanh hiện đại hoá nông nghiệp. Tuy nhiên, nông nghiệp Trung Quốc cũng phải thực hiện những cam kết như giảm thuế nông sản từ 21,3% năm 2000 xuống 15,5% năm 2005, các sản phẩm nông nghiệp phải thực hiện tốt các cam kết về kiểm dịch, chất lượng...đây có thể là những cú sốc hay bỡ ngỡ ban đầu khi tham gia một sân chơi lớn, nhưng điều đó cũng tạo động lực để Trung Quốc đẩy nhanh cải cách và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp qua hơn 10 năm phát triển đã có những thành quả rõ nét. Theo điều tra, năm 2001 có hơn 66000 tổ chức kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp. Loại hình các tổ chức ngày càng đa dạng, có tới hơn 27000 xí nghiệp "đầu tàu" và hơn 2200 tổ chức trung gian<sup>(1)</sup>. Các tổ chức này cũng mở rộng sang nhiều ngành nghề, khu vực cũng rộng khắp từ miền Đông sang miền Tây, hình thức liên kết cũng đa dạng hơn. Một số địa phương đã hình thành các khu chuyên doanh. Rất nhiều người cho rằng kinh doanh ngành nghề hoá là lối thoát cho nông nghiệp Trung Quốc, là cầu nối có hiệu quả để hiện đại hoá nông nghiệp. Tuy nhiên, kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp ở Trung Quốc mới ở giai đoạn đầu, môi

trường kinh doanh ngành nghề hoá đòi hỏi trình độ phát triển nhất định của sức sản xuất và đặc biệt hơn là mức độ thị trường hoá. Cùng với việc hoàn thiện thể chế “kinh tế thị trường XHCN”, kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp sẽ gắn kết chặt chẽ hơn quá trình hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn.

Đầu năm 2004, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ban hành Văn kiện số 1 về tăng thu nhập cho nông dân. Tài chính Trung ương trợ giúp cho các lĩnh vực ở nông thôn là 150 tỷ NDT, tăng 30 tỷ NDT so với năm 2002. Năm 2004 tổng sản lượng lương thực đạt 469,47 triệu tấn, ngành nông nghiệp tăng trưởng 6,3%, mức độ đô thị hoá năm 2004 đạt hơn 42%<sup>(12)</sup>.

Ngày 31-12-2004, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ra Văn kiện số 1-2005 về nâng cao năng lực sản xuất tổng hợp của nông nghiệp, trong đó nhấn mạnh công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, thành thị lôi kéo nông thôn; đẩy mạnh cải cách hệ thống tiền tệ ở nông thôn; giảm thuế nông nghiệp. Văn kiện số 1-2005 tiếp tục đặt công tác “tam nông” ở vị trí quan trọng hàng đầu trong công tác kinh tế của Trung Quốc.



CHÚ THÍCH:

(1) Nguyễn Đăng Thành: *Cải cách nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc*, Nxb Chính trị Quốc gia, năm 1994, tr.27.

(2) Mao Dục Cương: *Tìm hiểu diễn biến nông nghiệp Trung Quốc*, Nxb Văn hiến KHXH, năm 2001, tr.43 (bản Trung văn).

(3) Như chú thích (2), tr.270

(4) Lâm Thiện Vi: *Chiến lược điều chỉnh cơ cấu kinh tế Trung Quốc*, Nxb KHXH Trung Quốc, năm 2003, tr.498. (bản Trung văn)

(5) Lục Học Nghệ chủ biên: *Báo cáo nghiên cứu các giai tầng Trung Quốc đương đại*, Nxb văn hiến KHXH, năm 2002, tr.173.(bản Trung văn)

(6) Lý Thành Huân chủ biên: *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Trung Quốc 1996-2050: Những ý tưởng hướng tới hiện đại hoá*, Nxb Bắc Kinh, năm 1997, tr.93. (bản Trung văn)

(7) Tất Tứ Sinh (chủ biên): *Báo cáo vấn đề nổi cộm nông nghiệp, nông thôn, nông dân Trung Quốc*, Nxb Nhân dân nhật báo, tháng 12-2003, tr.300 (bản Trung văn)

(8) Doãn Dũng Khâm (chủ biên): *Những biến đổi lớn - lịch trình cải cách kinh tế Trung Quốc năm 1978-2004*, Nxb Thế giới đương đại, tr. 360 (bản Trung văn).

(9) Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (chủ biên): *Sách xanh: phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2004*, Nxb Văn hiến KHXH, năm 2004, tr.8 (bản Trung văn).

(10) Như chú thích 8, tr.361.

(11) Lưu Ân, Trương Triệu Cương, Hoắc Công (chủ biên): *Báo cáo vấn đề tam nông Trung Quốc*, Nxb Phát triển Trung Quốc, năm 2004, tr.142 (bản Trung văn).

(12) Công báo thống kê Trung Quốc, ngày 1-3-2005 (mạng: www.china.org.cn)